



Carbon Border Adjustment Mechanism

CBAM

HỎI ĐÁP

CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH CARBON TẠI BIÊN GIỚI
CỦA **LIÊN MINH CHÂU ÂU**



NHÓM THỰC HIỆN

Nguyễn Thị Thu Trang
Trần Minh Thu
Nguyễn Thị Thùy Dung
Nguyễn Thanh Trà



TRUNG TÂM WTO VÀ HỘI NHẬP
LIÊN ĐOÀN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

HỎI ĐÁP

CƠ CHẾ ĐIỀU CHỈNH CARBON TẠI BIÊN GIỚI CỦA **LIÊN MINH CHÂU ÂU**

(Carbon Border Adjustment Mechanism – CBAM)

Lời nói đầu

Cơ chế điều chỉnh carbon tại biên giới (Carbon Border Adjustment Mechanism - CBAM) là một trong các chính sách của Liên minh châu Âu (EU) nhằm thúc đẩy chuyển đổi sản xuất xanh, hướng tới mục tiêu trung hòa phát thải khí nhà kính (net-zero) của Khối này.

Theo Cơ chế này, một số loại hàng hóa cụ thể thuộc 06 nhóm gây ô nhiễm cao (gồm xi măng, sắt thép, nhôm, phân bón, điện và khí hydro) khi nhập khẩu vào EU sẽ phải thực hiện khai báo và mua chứng chỉ carbon cho lượng khí nhà kính phát thải ròng ra môi trường trong quá trình sản xuất ra hàng hóa đó ở nước xuất khẩu. Do đó, CBAM còn được gọi thông dụng là “thuế biên giới carbon”.

Được áp dụng từ tháng 10/2023, CBAM hiện đang trong giai đoạn chuyển tiếp, nhà nhập khẩu EU phải thực hiện nghĩa vụ khai báo lượng phát thải của hàng hóa theo quy định. Từ năm 2026 trở đi, hàng hóa nhập khẩu thuộc diện điều chỉnh sẽ phải vừa khai báo vừa mua chứng chỉ CBAM cho hàng hóa.

Hiện việc EU áp dụng CBAM có ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu một số loại xi măng, sắt thép, nhôm, phân bón đi EU. Một mặt, các doanh nghiệp sẽ phải thực hiện thống kê lượng phát thải của hàng hóa theo đúng các yêu cầu và cách thức quy định để cung cấp cho nhà nhập khẩu EU khai báo CBAM. Mặt khác, việc phải mua chứng chỉ CBAM cho các lô hàng sẽ khiến giá hàng hóa bị ảnh hưởng đáng kể, đặc biệt là với các doanh nghiệp chưa hoặc chậm thực hiện chuyển đổi xanh với quy trình sản xuất.

Trong tương lai, nếu EU quyết định mở rộng diện áp dụng CBAM sang các mặt hàng khác (nhất là nhóm mà EU cho rằng gây ô nhiễm môi trường cao như dệt may, giấy dép, điện tử...), các doanh nghiệp xuất khẩu các ngành hàng đó của Việt Nam cũng có thể sẽ bị ảnh hưởng.

Sổ tay này do Trung tâm WTO và Hội nhập thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thực hiện nhằm giới thiệu những nội dung cơ bản, cốt lõi nhất về CBAM cho các doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu Việt Nam.

Hy vọng cuốn Sổ tay sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích để doanh nghiệp xuất khẩu hàng hóa liên quan sang EU ứng phó hiệu quả với quy định mới này, từ đó góp phần xuất khẩu bền vững sang thị trường EU.

**Trung tâm WTO và Hội nhập
Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Mục lục

1. CBAM là gì?	12
2. Tại sao EU lại áp dụng CBAM?	13
3. CBAM được quy định ở đâu?	15
4. Lộ trình thực hiện CBAM?	16
5. Phạm vi áp dụng của CBAM?	20
6. Hàng hóa nào là đối tượng điều chỉnh của CBAM?	22
7. CBAM chỉ áp dụng cho phát thải trực tiếp khí CO ₂ phải không?	23
8. CBAM áp dụng với hàng hóa thành phẩm hay bán thành phẩm?	26
9. CBAM áp dụng cho hàng mới hay hàng đã qua sử dụng?	27
10. CBAM có áp dụng cho bao bì hàng hóa (packing) không?	28
11. CBAM có áp dụng cho lô hàng có giá trị nhỏ, hàng mẫu không?	30
12. Nếu không tuân thủ CBAM thì có bị phạt không?	32
13. Thực hiện CBAM có phải là trách nhiệm của doanh nghiệp xuất khẩu không?	33
14. EU có quản lý thông tin về nhà sản xuất nước ngoài không?	34
15. Ai phải thực hiện trách nhiệm khai báo CBAM?	35
16. Khi nào nhà nhập khẩu phải khai báo CBAM?	36
17. Các nội dung phải khai báo CBAM?	38
18. Nhà sản xuất nước ngoài phải cung cấp những thông tin nào cho nhà nhập khẩu EU?	39
19. Ngoài các thông tin bắt buộc, nhà sản xuất nước ngoài không cần cung cấp thông tin nào khác phải không?	42
20. Nhà sản xuất nước ngoài có phải cung cấp thông tin bản gốc cho Nhà nhập khẩu EU để khai báo CBAM không?	44
21. “Chi phí carbon” (carbon price) là gì?	45
22. Phân biệt thông tin khai báo trong trường hợp hàng hóa đơn giản (simple goods) và hàng hóa phức tạp (complex goods)?	46

23. Nếu hàng hóa phức tạp có nguyên liệu tiền chất (precursor) nhập khẩu từ EU thì có phải khai báo phát thải không?	48
24. Dữ liệu về phát thải khai báo được lấy trong khoảng thời gian nào? Dữ liệu của năm liền trước có được không?	49
25. Các bước cơ bản để xác định đầy đủ các yếu tố tính tổng lượng phát thải của hàng hóa CBAM?	50
26. Phát thải trực tiếp (direct emission) là gì?	51
27. Phát thải gián tiếp (indirect emission) là gì?	52
28. Phát thải gián tiếp (indirect emissions) được tính toán như thế nào?	53
29. Các kỹ thuật cho phép giảm trừ phát thải phổ biến?	54
30. Có thể sử dụng các mức phát thải mặc định (default values) không?	56
31. Khí thải từ sử dụng sinh khối (biomass) có bị tính vào tổng lượng khí thải không?	57
32. Khi tính lượng phát thải, khối lượng hàng hóa CBAM là khối lượng tổng (gross weight) hay khối lượng tịnh (net weight)?	58
33. Phân bố mức phát thải như thế nào trong trường hợp có nhiều dây chuyền sản xuất đồng thời (multiple production processes)?	59
34. Sản phẩm lỗi (off-spec products) có phải khai báo phát thải không?	60
35. Xi măng là hàng hóa đơn giản hay phức tạp?	61
36. Phản ứng hóa học tỏa nhiệt (exothermic chemical reactions) trong quá trình sản xuất phân bón có bị tính là phát thải trực tiếp không?	62
37. Lượng CO ₂ có trong urê có thể được tính là phát thải âm (negative emissions) không?	63
38. Nung vôi hoặc luyện than cốc có bị tính vào quy trình sản xuất thép không?	64
39. Viên quặng sắt (iron ore pellets) có phải hàng hóa CBAM không?	65
40. Khi xác định đơn vị tính phát thải, có thể phân tách một khu sản xuất thép phức hợp (steel site) thành các đơn vị cơ sở sản xuất (installations) riêng không?	66
41. Mã số nhận diện (identification number) của nhà máy thép (steel mill) là gì?	68
42. Lượng phát thải của sản phẩm nhôm/thép có cần phải xác định riêng cho từng loại hợp kim không?	69